

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN THẠNH  
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2024/DS-ST

Ngày: 05-8-2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

2. Bà Trần Thị Năm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Huyền Trân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Trần Thanh H, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An (có mặt);

2. *Bị đơn:* ông Lê Minh C, sinh năm 1975; nơi cư trú: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời trình bày tại Tòa án của nguyên đơn như sau: vào ngày 19/02/2018, ông Lê Minh C có nhờ ông H vay giúp cho ông C số tiền 134.000.000đ (Một trăm ba mươi bốn triệu đồng), thỏa thuận thời gian 10 ngày trả. Tuy nhiên, quá thời hạn trả nhưng ông C không trả và kéo dài thời gian nên gốc và lãi là 770.500.000đ (Bảy trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Do chủ nợ cho vay đòi xiết tài sản nên ông H phải vay mượn và bán tài sản của ông để trả gốc và

lãi thay cho ông C với số tiền vay bên ngoài lãi rất cao. Ông H đã nhiều lần liên hệ ông C để yêu cầu ông C trả nợ nhưng ông C hứa hẹn nhiều lần, sau đó né tránh nên ông H không gặp được ông C.

Tại đơn khởi kiện ban đầu, ông H khởi kiện yêu cầu ông C trả số tiền gốc và lãi là 770.500.000đ (Bảy trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Sau đó, ông H xác định lại yêu cầu khởi kiện, ông yêu cầu ông C yêu trả số tiền gốc là 134.000.000đ và tiền lãi là 141.504.000đ, tổng cộng gốc và lãi là 275.504.000đ và lãi phát sinh với mức lãi suất 1,6%/tháng.

Về phía bị đơn ông Lê Minh C: ông Lê Minh C vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện hiện nay của ông C.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Trần Thanh H có thay đổi yêu cầu khởi kiện: căn cứ biên nhận vay có thể hiện ông C có trả 800.000đ vào ngày 28/7/2018 nên hiện nay ông H yêu cầu ông C trả cho ông H số tiền nợ gốc là 133.200.000đ và trả lãi theo quy định của pháp luật với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 28/7/2018 cho đến khi xét xử và tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là ông Lê Minh C cư trú tại ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Long An. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú, sinh sống tại địa chỉ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và có xác nhận của chính quyền địa phương. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ điều kiện tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về việc nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa: tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông H yêu cầu ông C có nghĩa vụ trả gốc 134.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 1,6%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày lập biên nhận là ngày 20/7/2018 với số tiền lãi là 141.500.000đ và lãi phát sinh. Tại phiên tòa, H có thay đổi yêu cầu khởi kiện, hiện nay ông H yêu cầu ông C trả cho

ông H số tiền nợ gốc là 133.200.000đ và trả lãi theo quy định của pháp luật với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 28/7/2018 cho đến khi xét xử và tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 244 Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện và có cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm có biên nhận vay ngày 20/7/2018. Biên nhận có ghi rõ họ tên, năm sinh, địa chỉ của bên vay và bên cho vay; số tiền vay, thể hiện việc vay tiền từ ngày 19/02/2018 đến ngày lập biên nhận là ngày 20/7/2018 chưa tính lãi. Sau đó, biên nhận có ghi nội dung ông C trả được 800.000đ vào ngày 28/7/2018, số tiền nợ còn lại là 133.200.000đ. Ông C đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện hiện nay của ông H đã được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thông báo thụ lý vụ án số 42/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự: “2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Đồng thời, trước đây, năm 2023, ông H đã có nộp đơn khởi kiện, ông H có lựa chọn hòa giải đối thoại, ông C có thừa nhận vay tiền của ông H nhưng không nhớ rõ số tiền vay và tiền đã trả, ông H kiện xác định đúng số tiền ông sẽ đồng ý trả. Tuy nhiên, sau đó do ông C không đến hòa giải nên kết thúc hòa giải đối thoại. Ông H không nộp tạm ứng án phí do hoàn cảnh khó khăn không đủ tiền nộp tạm ứng án phí nên Tòa án trả lại đơn khởi kiện. Sau đó, ông H nộp lại đơn khởi kiện và Tòa án thụ lý vụ án hiện đang giải quyết. Do đó, có cơ sở xác định ông C có vay tiền của ông H theo như biên nhận ông H đã giao nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Biên nhận vay không ghi rõ thời hạn trả. Tuy nhiên, ông H đã nhiều lần yêu cầu ông C trả và cũng đã nhiều lần thực hiện việc khởi kiện nhưng ông C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu ông Lê Minh C có nghĩa vụ trả số tiền còn lại theo biên nhận là 133.200.000đ có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi, biên nhận vay có thể hiện vay có lãi nhưng không ghi rõ mức lãi suất, ông H trình bày khi vay thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 3.500đ/100.000.000đ/ngày, thời gian vay 10 ngày. Tuy nhiên, biên nhận vay không ghi rõ mức lãi suất. Ông C vắng mặt nên không có cơ sở xác định rõ mức lãi suất. Do đó, có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay có lãi nhưng không rõ mức lãi suất. Như vậy, hợp đồng vay giữa hai bên thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự. Tại phiên tòa ông H yêu cầu tính lãi từ thời điểm ông C trả số tiền

800.000đ vào ngày 28/7/2018, mức lãi suất, 0,83%/tháng là phù hợp quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Tiền lãi như sau:

Từ ngày 28/7/2018 đến ngày xét xử (05/8/2024) là 06 năm 08 ngày x 133.200.000đ x 0.83%/tháng, tiền lãi là 79.887.765đ (Bảy mươi chín triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng).

Như vậy, ông Lê Minh C có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thanh H tổng cộng gốc và lãi là 213.087.765đ (Hai trăm mười ba triệu không trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Ông Lê Minh C phải chịu án phí tương ứng với nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 357, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H: Buộc ông Lê Minh C có nghĩa vụ cho ông Trần Thanh H số tiền nợ gốc là 133.200.000.000đ (Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 79.887.765đ (Bảy mươi chín triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng), tổng cộng gốc và lãi phải trả là 213.087.765đ (Hai trăm mười ba triệu không trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

3.1. Ông Trần Thanh H không phải chịu án phí nên được trả lại tiền số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.887.600đ (Sáu triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm đồng) theo biên lai thu số 0003483, ngày 28/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

3.2. Ông Lê Minh C phải chịu án phí là 10.654.000đ (Mười triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Ánh**